

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11-8-2023

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Á

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hoa Lài

2. Ông Hồ Thanh Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Dung – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tường – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2023/TL.ST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn B, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T trình bày: Bà và ông Lê Văn B tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật năm 2005. Thời gian đầu vợ chồng sống cũng khá hạnh phúc, nhưng sau này phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông B không chăm lo vợ con, đi làm không đưa tiền để nuôi vợ con, ông B còn bạc bẽo gây nợ nần tôi đã nhiều lần trả nợ cho ông và đã cho ông B nhiều cơ hội hàn gắn nhưng ông B vẫn không thay đổi. Nhận thấy hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn và đã ly thân từ năm 2021 đến nay nên yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn B.

Về con chung: Có 02 con chung Lê Văn Khải, sinh năm 2003; Lê Văn Khánh, sinh năm 2009. Cháu Khải đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Cháu Khánh, bà yêu cầu nuôi, không yêu cầu ông B cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Có căn nhà cất trên đất cha mẹ ruột, chưa yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng tại Tòa án ông Lê Văn B trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về quá trình dẫn đến kết hôn. Sau khi kết hôn, ông có làm lơ ăn chơi gây nợ nhưng ông đang cố gắng làm để trả nợ, sau khi trả nợ xong, ông sẽ đưa tiền cho vợ để lo cho con. Nay ông còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn, mong Tòa án cho thời gian để hàn gắn.

Về con chung: Có 02 con chung Lê Văn Khải, sinh năm 2003, Lê Văn Khánh, sinh năm 2009. Cháu Khải đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Cháu Khánh, ông đồng ý để vợ nuôi, ông không cấp dưỡng nhưng con chung ông vẫn lo cho hai con.

Về tài sản chung: Có căn nhà cất trên đất cha vợ, chưa yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về nợ riêng có thiếu người ở xóm 15 triệu đồng, nợ này vợ ông không hay biết, ông mượn sử dụng riêng, không sử dụng cho gia đình nên ông tự trả một mình.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Về hôn nhân bà T và ông B kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn, cả hai đã ly thân, nay bà T yêu cầu ly hôn với ông B, ông B không đồng ý ly hôn và yêu cầu Tòa án cho thời gian hàn gắn. Tuy nhiên, từ khi thụ lý đến ngày xét xử thời gian hơn 03 tháng nhưng ông B không có biện pháp nào hàn gắn quan hệ vợ chồng, tại phiên tòa bà T kiên quyết ly hôn không muốn đoàn tụ cùng ông B nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T. Về con chung, bà T và ông B có 02 con chung Lê Văn Khải (nam), sinh năm 2003 và Lê Văn Khánh (nam), sinh năm 2009. Bà T có yêu cầu nuôi cháu Khánh, cháu Khánh có nguyện vọng sống cùng bà T và phía ông B cũng đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện giao cháu Khánh cho bà T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T chưa yêu cầu nên ông B chưa phải cấp dưỡng. Về tài sản chung: Các bên khai thống nhất chưa yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Các bên khai thống nhất không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thanh T và ông Lê Văn B do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên bà T nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Lê Văn B, do ông B có nơi cư trú tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Giữa bà Nguyễn Thanh T và ông Lê Văn B được xây dựng trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống bà T cho rằng ông B không lo làm ăn, ham chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần và thường xuyên nhậu nhẹt. Phía ông B cho rằng ông có cờ bạc dẫn đến nợ nần nhưng từ khi vợ nộp đơn ly hôn ông không còn cờ bạc, nhậu nhẹt thì thỉnh thoảng còn nhậu, ông vẫn lo cho vợ con, ông còn thương vợ nên muốn tòa án cho thời gian để vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi ly thân đến nay ông B không có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Khi bà T nộp đơn ly hôn đến Tòa án. Tòa án đã tiến hành mời các bên hòa giải để hàn gắn quan hệ vợ chồng và đã cho hai bên thời gian (hơn 03 tháng) để đoàn tụ nhưng đến thời điểm xét xử phía bà T vẫn không thay đổi ý kiến về việc ly hôn, kiên quyết ly hôn. Điều này, chứng tỏ hôn nhân của ông, bà đã rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thanh T.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung Lê Văn Khải, sinh năm 2003, Lê Văn Khánh, sinh năm 2009. Cháu Khải đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Cháu Khánh, ông B đồng ý để vợ nuôi nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông B giao các con chung Khánh cho bà T nuôi dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông Lê Văn B không ai được quyền cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T chưa yêu cầu nên ông B chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] Về tài sản chung: Các đương sự khai thống nhất chưa yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí: Bà Nguyễn Thanh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thanh T được ly hôn với ông Lê Văn B.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn B giao Lê Văn Khánh, sinh năm 2009 cho bà Nguyễn Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông Lê Văn B không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Lê Văn B chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số 0002094 ngày 08/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà T đã nộp xong).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Tân Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Á

